

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC KẠN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/HSST
Ngày 23/11/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC KẠN, TỈNH BẮC KẠN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nông Hữu Thái;
2/ Ông Đỗ Trung Xuân.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Lộc – Thư ký của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông Trần Đức Chung – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 09/2021/TLST - HS ngày 29/10/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXXST-HS ngày 04/11/2021 đối với các bị cáo:

1/ **Vũ Ngọc L**, tên gọi khác: Không; sinh ngày 24 tháng 8 năm 1994, tại tỉnh Bắc Kạn; nơi ĐKHKTT: Tổ 8, phường Ng, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; Chỗ ở hiện nay: Tổ 16, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Vũ Ngọc Th và bà Đinh Thị V; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B từ ngày 18/5/2021 cho đến nay.

Có mặt tại phiên tòa.

2/ **Nguyễn Thị Ngọc A**, tên gọi khác: Không; sinh ngày 07 tháng 12 năm 1997, tại tỉnh Bắc Kạn; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Tổ 11B, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Trí D và bà Nguyễn Thị Ngọc Th; chồng: Chưa có, con: Có 01 con, sinh ngày 06/9/2021; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang tại ngoại tại nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa , nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 01 giờ 30 phút ngày 18/5/2021, tại khu nhà trọ thuộc tổ 16, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn của bà Hoàng Thị Th, sinh năm 1958, trú tại tổ 11, phường Ng, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn, Tổ công tác Công an phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn bắt quả tang đối với Vũ Ngọc L, sinh năm 1994, nơi ĐKHKTT: Tổ 8, phường Ng, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn (L thuê phòng trọ của bà Hoàng Thị Th) và Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1997, trú tại tổ 11B, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Tang vật thu giữ gồm: 02 (hai) ống nhựa (một ống màu vàng, một ống màu hồng), bên trong 02 ống nhựa đều chứa chất tinh thể màu trắng (nghĩ là ma túy). Tổ công tác đã tiến hành niêm phong 02 ống nhựa chứa chất tinh thể màu trắng nêu trên trong phong bì ký hiệu L1. Ngoài ra, Tổ công tác còn thu giữ 01 (một) bộ dụng cụ (coóng) tự chế; 01 (một) bật lửa màu đỏ.

Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã thi hành Lệnh khám xét khẩn cấp đối với Vũ Ngọc L. Kết quả khám xét không thu giữ đồ vật, tài sản gì liên quan đến ma túy.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã tiến hành cân xác định khối lượng số chất tinh thể màu trắng niêm phong trong phong bì ký hiệu L1 xác định được tổng khối lượng là 0,28g (không phải hai tám gam). Sau khi cân xác định khối lượng, toàn bộ số chất tinh thể màu trắng nêu trên được niêm phong trong phong bì ký hiệu M1 gửi trưng cầu giám định chất ma túy.

Tại kết luận giám định số 97/KTHS-MT ngày 23/5/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn kết luận: “Mẫu chất tinh thể màu trắng trong phong bì ký hiệu M1 gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine có khối lượng là: 0,28g (không phải hai tám gam)”.

Tại Cơ quan điều tra, Vũ Ngọc L và Nguyễn Thị Ngọc A đều khai nhận: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 17/5/2021, A đến phòng trọ của L thuộc tổ 16, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn để chơi. Do L biết A thường xuyên sử dụng trái phép chất ma túy (loại ma túy đá) và A cũng biết L thường xuyên sử dụng trái phép chất ma túy (loại ma túy đá) nên trong quá trình nói chuyện L và A cùng rủ nhau mua ma túy về sử dụng. Do A không có tiền nên L đã đưa cho A số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) để A đi mua ma túy về cùng nhau sử dụng. Sau đó, Nguyễn Thị Ngọc A thuê xe taxi (không nhớ biển kiểm soát) đến khu vực ngã tư Bưu điện tỉnh Bắc Kạn thuộc tổ 7, phường Đ, thành phố B gặp và mua ma túy với người đàn ông tên

Th (không rõ họ tên đệm, địa chỉ cụ thể) nhà ở tỉnh Thái Nguyên 01 (một) gói ma túy (loại ma túy đá) với số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng). Sau khi mua được ma túy, A tiếp tục thuê xe taxi (không nhớ biển kiểm soát) đi về phòng trọ của L. Tại đây, L và A cùng nhau chia một phần ma túy trong gói ma túy vừa mua được cho vào trong “coóng” tự chế (do L và A cùng nhau chuẩn bị) rồi cùng nhau sử dụng. Phần ma túy còn lại, L và A cho vào 02 (hai) ống nhựa, một ống màu vàng, một ống màu hồng để trên bàn máy vi tính trong phòng trọ của L với mục đích để sử dụng sau. Đến khoảng 01 giờ ngày 18/5/2021 thì bị Tổ công tác Công an phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn phát hiện, bắt quả tang thu giữ toàn bộ tang vật là số ma túy còn lại và 01 (một) bộ dụng cụ (coóng) tự chế; 01 (một) bật lửa màu đỏ.

Lời khai của Vũ Ngọc L và Nguyễn Thị Ngọc A thống nhất với nhau và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 59/CT-VKSTPBK, ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố các bị cáo Vũ Ngọc L và Nguyễn Thị Ngọc A về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Điều luật có nội dung:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

.....

c) Methamphetamine.....có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

.....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”

Tại phiên tòa:

Các bị cáo Vũ Ngọc L và Nguyễn Thị Ngọc A thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, thừa nhận việc truy tố, xét xử các bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là đúng người, đúng tội, không oan. Các bị cáo chỉ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo theo Cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Vũ Ngọc L và Nguyễn Thị Ngọc A phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Vũ Ngọc L từ 13 đến 15 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 18/5/2021.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A từ 12 đến 15 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

Hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu T97;

+ 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu A2;

+ 01 (một) bộ dụng cụ (coóng) tự chế;

+ 01 (một) bật lửa màu đỏ.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát thành phố B và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến khiếu nại về hành vi quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa các bị cáo Vũ Ngọc L và Nguyễn Thị Ngọc A thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo thống nhất với nhau, phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Do vậy có đủ cơ sở xác định:

Hồi 01 giờ 30 phút ngày 18/5/2021, tại khu nhà trọ của bà Hoàng Thị Th thuộc tổ 16, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn, Vũ Ngọc L và Nguyễn Thị Ngọc A có hành vi tàng trữ trái phép 0,28g (không phải hai tám gam) ma túy, loại

Methamphetamine với mục đích sử dụng cho bản thân thì bị Cơ quan điều tra phát hiện, bắt quả tang.

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ việc tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật tuy nhiên vẫn cố ý tàng trữ trái phép 0,28 g (không phải hai tám gam) ma túy, loại Methamphetamine nhằm mục đích để sử dụng cho bản thân. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Do vậy Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố đối với các bị cáo về tội danh, điều luật như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo: Tội phạm các bị cáo thực hiện thuộc trường hợp tội phạm nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của nhà nước đối với các chất ma túy, là mầm mống phát sinh các tệ nạn xã hội khác, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự xã hội tại địa phương nên cần xử lý theo pháp luật hình sự.

[4] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Vũ Ngọc L được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “*Người phạm tội thành khẩn khai báo*” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị cáo L có ông nội là ông Vũ Ngọc Tấn và bố đẻ là ông Vũ Ngọc Thủy (tên gọi khác: Vũ Thủy) là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến sĩ vẻ vang nên còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “*Người phạm tội thành khẩn khai báo*” và “*Người phạm tội là phụ nữ có thai*” quy định tại điểm n, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị cáo A có ông ngoại là ông Nguyễn Ngọc H được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhất nên còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án: HĐXX thấy rằng đây là vụ án đồng phạm, nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc, cấu kết chặt chẽ với nhau. Trong khi nói chuyện, cả hai cùng rủ nhau đi mua ma túy về để cùng sử dụng, bị cáo L đã đưa cho A số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) để A đi mua ma túy, còn bị cáo A là người trực

tiếp đi mua ma túy về để cùng nhau sử dụng. Các bị cáo đều thừa nhận số ma túy bị thu giữ là của các bị cáo bớt lại để cùng nhau sử dụng sau. Do vậy các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò ngang nhau trong việc thực hiện tội phạm.

[6] Về hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong một khoảng thời gian nhất định nhằm răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung cho xã hội. **Tuy nhiên, thấy rằng bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự hơn do vậy khi quyết định hình phạt cần xem xét một mức hình phạt nhẹ hơn so với bị cáo L.**

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo là lao động tự do, không có công ăn việc làm ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự.

[8] Về xử lý vật chứng:

+ 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu T97, mặt trước phong bì có dòng chữ: “Vụ: Vũ Ngọc L và Nguyễn Thị Ngọc A tàng trữ trái phép chất ma túy”, mặt sau phong bì có 03 (ba) chữ ký không đọc được và 02 (hai) dấu hình tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn, chứa chất thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành, cần tịch thu tiêu hủy.

+ 01(một) phong bì niêm phong ký hiệu A2, mặt trước phong bì có dòng chữ: “Phong bì và ống nhựa cũ lưu hồ sơ vụ án”, mặt sau phong bì có 02 (hai) dòng chữ “Vũ Ngọc L”, 02 (hai) dòng chữ “Nguyễn Thị Ngọc A”, 02 (hai) chữ “L”, 02 (hai) chữ “A”, 01 (một) dòng chữ “Hà Văn Th”, có 06 (sáu) chữ ký không đọc được và 02 (hai) dấu hình tròn màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Kạn, là những vật không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

+ 01 (một) bộ dụng cụ (coóng) tự chế; 01 (một) bật lửa màu đỏ, là những vật không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Trong vụ án này, còn có đối tượng nam giới tên Th nhà ở tỉnh Thái Nguyên (không rõ lai lịch cụ thể) theo lời khai của Nguyễn Thị Ngọc A là người đã bán trái phép chất ma túy cho A vào ngày 17/5/2021 tại khu vực Bru điện tỉnh Bắc Kạn thuộc tổ 7, phường Đ, thành phố B. Tuy nhiên, hiện nay Cơ quan điều tra chưa xác định được nhân thân, lai lịch cụ thể của đối tượng này nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với bà Hoàng Thị Th, là người cho Vũ Ngọc L thuê phòng trọ. Tuy nhiên, bà Thái không biết việc L sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng trọ của gia đình bà Thái nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là có căn cứ.

[11] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, mức hình phạt chính, hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng và án phí đối với các bị cáo là phù hợp, có cơ sở để chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Vũ Ngọc L và Nguyễn Thị Ngọc A phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Điều luật áp dụng và hình phạt:

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Vũ Ngọc L.

Xử phạt bị cáo Vũ Ngọc L **13 (Mười ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 18/5/2021.**

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu T97, mặt trước phong bì có dòng chữ: “Vụ: Vũ Ngọc L và Nguyễn Thị Ngọc A tàng trữ trái phép chất ma túy”, mặt sau phong bì có 03 (ba) chữ ký không đọc được và 02 (hai) dấu hình tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn;

+ 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu A2, mặt trước phong bì có dòng chữ: “Phong bì và ống nhựa cũ lưu hồ sơ vụ án”, mặt sau phong bì có 02 (hai) dòng chữ “Vũ Ngọc L”, 02 (hai) dòng chữ “Nguyễn Thị Ngọc A”, 02 (hai) chữ “L”, 02 (hai) chữ “A”, 01 (một) dòng chữ “Hà Văn Th”, có 06 (sáu) chữ ký không đọc được và 02 (hai) dấu hình tròn màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Kạn;

+ 01 (một) bộ dụng cụ (coóng) tự chế; 01 (một) bật lửa màu đỏ.

(Tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Công an thành phố B và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Buộc các bị cáo Vũ Ngọc L và Nguyễn Thị Ngọc A, mỗi bị cáo phải chịu 200.000^d (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND TPBK;
- Công an TPBK;
- Chi cục THADS TPBK;
- Sở tư pháp;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Nguyệt Thu

